

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1340/TTLĐNN-TCLĐ
V/v thông báo kế hoạch đào tạo giáo dục
định hướng Chương trình EPS
Khóa K34-SN20/2025

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Sở Nội vụ

Triển khai kế hoạch phái cử người lao động sang Hàn Quốc làm việc theo Chương trình EPS, căn cứ kế hoạch tiếp nhận của HRD Hàn Quốc, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo đến quý Sở kế hoạch tổ chức, danh sách người lao động tham gia giáo dục định hướng K34-SN20/2025 (danh sách kèm theo) và đề nghị quý Sở phối hợp thực hiện những nội dung sau:

1. Thông báo người lao động thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động nộp chi phí phái cử bằng khoản tiền Việt Nam tương đương với 630 USD và chi phí hành chính xin cấp visa 390.000 đồng để xác nhận nguyện vọng thực hiện hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp Hàn Quốc.

- Chuẩn bị khoản tiền 100 triệu đồng để ký quỹ sau khi kết thúc khóa giáo dục định hướng.

- Các khoản tiền sau đây để nộp **khi đến tập trung** tham dự khóa giáo dục định hướng:

- + Học phí bổ túc tiếng Hàn: 920.000 đồng;
- + Chi phí tiền ký túc xá, tiền ăn nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ;
- + Phương án và chi phí khám sức khỏe: Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ thông báo đến người lao động trước khi tham gia đào tạo định hướng.

2. Thông báo kế hoạch giáo dục định hướng

Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về kế hoạch giáo dục định hướng như sau:

2.1. Địa điểm, thời gian tập trung và tổ chức đào tạo

- Thời gian làm thủ tục nhập học: 15h00 Thứ tư ngày 24/12/2025;
- Thời gian đào tạo: từ ngày 25/12/2025 đến ngày 09/01/2026;
- Địa điểm đào tạo: Cơ sở đào tạo của Trung tâm Lao động ngoài nước (nằm trong khuôn viên Trung tâm dạy nghề và đào tạo lao động Sona, địa chỉ: thôn Do Hạ, xã Mê Linh, thành phố Hà Nội).

2.2. Người lao động cần chuẩn bị:

- Hồ sơ xin cấp visa

+ In, điền đầy đủ thông tin và mang theo các giấy tờ xin visa (theo mẫu tại website www.colab.moha.gov.vn mục tải biểu mẫu), **Phiếu lý lịch tư pháp số 2** (01 bản gốc có chữ ký của cán bộ Tư pháp, không sử dụng bản có chữ ký điện tử) và hộ chiếu còn hiệu lực trên 1 năm để nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước làm thủ tục xin cấp visa. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp được cấp sau ngày tập trung, người lao động vẫn đến tập trung theo kế hoạch và chuyển phát phiếu lý lịch tư pháp đến địa điểm nơi người lao động tham dự khóa đào tạo, **muộn nhất vào ngày kết thúc khóa học, người lao động phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Trung tâm lao động ngoài nước.**

Lưu ý: Bộ hồ sơ xin cấp visa bao gồm (1) Tờ khai xin cấp visa, (2) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, (3) 01 bản photo 2 mặt của CMND/CCCD (4) bản photo trang 2,3 của hộ chiếu, (5) Phiếu lý lịch tư pháp, (6) Hộ chiếu. Người lao động phải đọc kỹ hướng dẫn, điền đầy đủ, chính xác thông tin và sắp xếp hồ sơ theo thứ tự nêu trên. Việc nộp thiếu giấy tờ, kê khai thông tin không chính xác sẽ dẫn đến tiến độ xuất cảnh của người lao động bị chậm hoặc không thể xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc.

- Để ký Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS:

+ Người lao động truy cập thông báo tổ chức khóa đào tạo tại website: www.colab.moha.gov.vn để xác nhận nguyện vọng chấp nhận hợp đồng và cung cấp các thông tin cần thiết.

+ Người lao động mang theo smart phone có thể kết nối internet 4G và sử dụng số điện thoại đã được định danh (đăng ký sim chính chủ) khi tham dự khóa đào tạo.

Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ hướng dẫn nội dung cụ thể trong thời gian người lao động tham gia đào tạo.

- Những nội dung khác:

+ Chuẩn bị **04 ảnh chân dung** có quy cách như sau: phong màu trắng, mặc áo khác màu với màu phong, không qua chỉnh sửa, kích thước 3.5cm x 4.5cm;

+ Chuẩn bị 01 bản photo 02 mặt của CMND/CCCD;

+ Chuẩn bị trang phục để lên lớp hàng ngày: quần âu, áo sơ mi trắng, giày hoặc dép quai hậu.

3. Một số công việc khác

Đối với những lao động thuộc danh sách này đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đề nghị quý Sở giữ lại số tiền Việt Nam đồng tương đương với 30USD để trang trải các chi phí hành chính; chuyển số tiền còn lại tương đương 600USD (theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền) và khoản chi phí hành chính xin cấp visa về Trung tâm Lao động ngoài nước chậm nhất ngày **25/12/2025** theo tài khoản sau:



+ Tên tài khoản: Trung tâm Lao động ngoài nước
+ Địa chỉ: Số 1 Trịnh Hoài Đức, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội
+ Số tài khoản: 1440201030194
+ Tại: Chi nhánh Bắc Hà Nội-NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (*Khi chuyển tiền, đề nghị quý Sở ghi rõ tên địa phương, số tiền và nội dung chuyển tiền*).

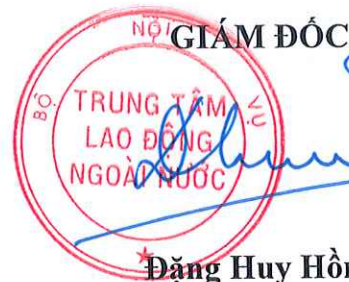
- Đề nghị quý Sở thông báo bằng văn bản cho Trung tâm lao động ngoài nước: danh sách người lao động hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tham gia khóa học; danh sách những người lao động không đến làm thủ tục và không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc; danh sách kèm theo Đơn của người lao động xin tiếp tục tham gia giáo dục định hướng (mẫu kèm theo); danh sách người lao động thuộc đối tượng vay vốn ký quỹ để Trung tâm tổng hợp, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Lưu ý: Người lao động không tham gia giáo dục định hướng theo kế hoạch được thông báo hoặc nộp **Phiếu lý lịch tư pháp miễn** dẫn đến nộp hồ sơ xin cấp visa chậm có thể bị doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng lao động và bị dừng tham gia Chương trình EPS trong thời gian 01 năm.

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Sở./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo TT;
- P.TCKT, P.ĐT (để t/h);
- P.QLHTLD (để nhắn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.



Đặng Huy Hồng

DANH SÁCH ĐÀO TẠO ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K34-SN20/2025

(Kèm theo Công văn số 1340/TTLĐNN-TCLĐ ngày 18/12/2025 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV
1	50837956	Nguyễn Cẩm Giang	11/02/2000	Nữ	An Giang	An Giang	K34SN20-01
2	51032317	Dương Văn Việt	15/01/2003	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K34SN20-02
3	51032322	Nguyễn Việt Tùng	27/09/2003	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K34SN20-03
4	51032477	Hoàng Văn Văn	04/08/1998	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K34SN20-04
5	50307066	Hà Thị Cẩm Tú	12/12/2005	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K34SN20-05
6	50307256	Trương Đình Trang	15/09/1996	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K34SN20-06
7	50307678	Nguyễn Thị Phương	18/03/1999	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K34SN20-07
8	50307916	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	01/02/2005	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K34SN20-08
9	50308096	Trần Quốc Hiếu	12/07/2001	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K34SN20-09
10	51032516	Ngô Khánh Bằng	08/11/1995	Nam	Bắc Ninh	Bắc Ninh	K34SN20-10
11	50308489	Vũ Văn Anh	30/12/2005	Nam	Bắc Ninh	Bắc Ninh	K34SN20-11
12	50308794	Nguyễn Hoàng Anh	03/01/2001	Nam	Bắc Ninh	Bắc Ninh	K34SN20-12
13	50381981	Trần Hoàng Quý	18/03/2003	Nam	Cà Mau	Cà Mau	K34SN20-13
14	50839818	Quách Trọng Tín	04/01/2000	Nam	Cà Mau	Cà Mau	K34SN20-14
15	50839584	Trần Hoàng Quân	21/03/1995	Nam	Sóc Trăng	Cần Thơ	K34SN20-15
16	50332507	Nguyễn Văn Trí	04/05/1988	Nam	Đà Nẵng	Đà Nẵng	K34SN20-16
17	50358177	Nguyễn Thị Hoà Châu	18/01/1996	Nữ	Quảng Nam	Đà Nẵng	K34SN20-17
18	50358186	Tô Thị Mai Xuân	28/11/2004	Nữ	Quảng Nam	Đà Nẵng	K34SN20-18
19	50832672	Lương Đình Thắng	01/11/2002	Nam	Quảng Nam	Đà Nẵng	K34SN20-19
20	50832737	Lê Văn Thanh	27/05/1998	Nam	Quảng Nam	Đà Nẵng	K34SN20-20
21	50838056	Nguyễn Hồng Thái	03/11/2006	Nam	Tiền Giang	Đồng Tháp	K34SN20-21
22	50835137	Võ Thế Đạt	25/04/2006	Nam	Gia Lai	Gia Lai	K34SN20-22
23	51030008	Hoàng Văn Thắng	21/02/1987	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K34SN20-23
24	50300387	Phùng Danh Thế	12/07/2002	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K34SN20-24
25	50300580	Nguyễn Đình Hải	22/12/2005	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K34SN20-25
26	50300722	Trần Anh Hào	23/12/1997	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K34SN20-26
27	50300734	Nguyễn Đức Hiếu	27/04/2004	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K34SN20-27
28	50300743	Phí Đình Trung	17/12/2002	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K34SN20-28
29	50300966	Phan Văn Trung	05/03/1993	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K34SN20-29
30	50340102	Nguyễn Hải Nam	05/05/2005	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K34SN20-30
31	50340132	Nguyễn Mạnh Hoan	19/05/2002	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K34SN20-31
32	50340181	Nguyễn Quyết Chiến	16/09/2002	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K34SN20-32
33	51037357	Lê Tiến Nhạc	27/06/1990	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K34SN20-33
34	50329427	Lê Thị Ngọc	11/10/1999	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K34SN20-34
35	50333502	Trần Đình Nghĩa	10/12/1989	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K34SN20-35
36	50333541	Lê Thị Thảo	08/02/1998	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K34SN20-36
37	50333581	Nguyễn Thùy Trâm	26/10/2005	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K34SN20-37
38	50333605	Nguyễn Văn Hoàng	05/05/1994	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K34SN20-38
39	50333664	Hà Văn Thành	10/07/2000	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K34SN20-39
40	50333828	Dương Thị Diệu	06/12/2003	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K34SN20-40
41	50333852	Nguyễn Thị Mến	20/05/2000	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K34SN20-41
42	50355161	Phan Thị Anh	16/01/2001	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K34SN20-42

TRƯ
LAC
NGO

4

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV
43	50828077	Nguyễn Hữu Trường	27/05/2003	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K34SN20-43
44	50302072	Phan Kiên Giang	07/12/1998	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K34SN20-44
45	50801909	Nguyễn Thị Trà Giang	15/11/2001	Nữ	Hải Phòng	Hải Phòng	K34SN20-45
46	51030981	Vũ Đức Thắng	11/03/1996	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K34SN20-46
47	50303257	Trần Tuấn Đạt	11/07/1995	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K34SN20-47
48	50303277	Trần Thị Bình	13/10/2000	Nữ	Hung Yên	Hung Yên	K34SN20-48
49	50303363	Dương Văn Trung	17/05/2005	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K34SN20-49
50	50805123	Vi Văn Hào	13/07/2003	Nam	Lạng Sơn	Lạng Sơn	K34SN20-50
51	50336422	Nguyễn Huy Quốc	27/05/2003	Nam	Đắk Nông	Lâm Đồng	K34SN20-51
52	50303718	Trương Thị Thiêm	03/09/1997	Nữ	Hà Nam	Ninh Bình	K34SN20-52
53	50303732	Nguyễn Văn Du	17/07/1992	Nam	Hà Nam	Ninh Bình	K34SN20-53
54	50303802	Phạm Thị Huyền Trang	18/09/1998	Nữ	Hà Nam	Ninh Bình	K34SN20-54
55	50303842	Ngô Đào Nhất	10/01/1992	Nam	Hà Nam	Ninh Bình	K34SN20-55
56	51033097	Bùi Đức Thành	15/08/2001	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K34SN20-56
57	50310247	Ngô Thị Tươi	02/08/1999	Nữ	Nam Định	Ninh Bình	K34SN20-57
58	50310506	Lê Thanh Toàn	21/12/2001	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K34SN20-58
59	50310510	Mai Thị Lệ Huyền	01/11/1997	Nữ	Nam Định	Ninh Bình	K34SN20-59
60	50310713	Vũ Minh Quang	16/04/2004	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K34SN20-60
61	50310773	Đoàn Đức Thuần	09/05/1999	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K34SN20-61
62	50310801	Nguyễn Trung Kiên	28/11/1998	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K34SN20-62
63	50310851	Đỗ Văn Huy	07/11/1995	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K34SN20-63
64	50810780	Nguyễn Văn Du	01/06/2000	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K34SN20-64
65	50810848	Trần Xuân Thịnh	08/11/2003	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K34SN20-65
66	50311848	Nguyễn Huy Tâm	20/05/1993	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K34SN20-66
67	50311905	Bùi Hồng Duy	21/07/2002	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K34SN20-67
68	50311910	Vũ Hoàn Hào	25/11/1992	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K34SN20-68
69	50311923	Tạ Duy Cương	17/08/1995	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K34SN20-69
70	50311929	Nguyễn Ngọc Hải	21/06/2001	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K34SN20-70
71	50311932	Hồ Văn Chung	06/02/1992	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K34SN20-71
72	51035759	Nguyễn Ngọc Hiếu	29/05/1998	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-72
73	51036260	Nguyễn Công Hoà	15/11/1996	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-73
74	51036359	Nguyễn Văn Thắng	01/07/1986	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-74
75	51036483	Trần Đức Phong	07/02/1997	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-75
76	51036511	Nguyễn Đình Cường	16/08/2001	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-76
77	51036530	Trần Đức Mạnh	13/01/2001	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-77
78	51036569	Nguyễn Đức Ngọc	10/12/1995	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-78
79	51036570	Phan Văn Thông	15/07/2001	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-79
80	51036579	Nguyễn Văn Nguyên	04/08/1998	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-80
81	50322025	Đinh Văn Ngọc	11/07/2002	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-81
82	50322482	Nguyễn Đức Mạnh	22/12/2005	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-82
83	50322947	Trương Minh Trường Vũ	05/06/2004	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-83
84	50322993	Hà Văn Anh Quân	08/12/2002	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-84
85	50323268	Nguyễn Đình Trung	25/03/1998	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-85
86	50323769	Phạm Quỳnh Sơn	01/07/2005	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-86

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV
87	50324055	Đặng Hữu Trường	02/01/2000	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-87
88	50324138	Hoàng Đình Minh	19/05/2001	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-88
89	50324796	Nguyễn Thế Lợi	21/09/2002	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-89
90	50325061	Phan Văn Nam	18/02/1998	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-90
91	50325310	Trần Đình Sỹ	17/01/1998	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-91
92	50325318	Phan Việt An	07/02/1997	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-92
93	50325361	Hồ Sỹ Huy	21/10/2004	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-93
94	50325551	Nguyễn Văn Sỹ	02/10/2000	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-94
95	50325610	Nguyễn Văn Hiếu	10/08/1997	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-95
96	50325870	Phan Hữu Quân	01/10/1995	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-96
97	50325898	Cao Xuân Tùng	23/03/2005	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-97
98	50326257	Đậu Khắc Thái	29/10/1990	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-98
99	50326281	Nguyễn Văn Mỹ	30/06/1997	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-99
100	50326679	Đặng Anh Quân	28/12/2005	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-100
101	50354077	Trần Văn Thơm	18/05/2001	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-101
102	50823628	Đàm Văn Tiến	05/05/2002	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-102
103	50823690	Nguyễn Khắc Hệ	11/11/2001	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-103
104	50824730	Nguyễn Văn Quyền	25/04/2002	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K34SN20-104
105	50306070	Đặng Thu Hiền	09/11/2005	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K34SN20-105
106	50306523	Đinh Thuý Hiền	27/08/2004	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K34SN20-106
107	50807405	Nguyễn Kim Hòa	27/04/2002	Nam	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	K34SN20-107
108	50548740	Trần Văn Thành	04/02/2005	Nam	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	K34SN20-108
109	50546872	Nguyễn Thị Hoài Thương	04/12/1999	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K34SN20-109
110	51037486	Đinh Thế Đức	04/08/2005	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K34SN20-110
111	50330846	Nguyễn Văn Tám	01/05/1990	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K34SN20-111
112	50330850	Nguyễn Thị Minh Trang	19/05/1996	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K34SN20-112
113	50356262	Phan Thanh Long	23/07/1995	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K34SN20-113
114	50356415	Trương Thị Hương	21/11/1997	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K34SN20-114
115	50356434	Mai Thị Thanh Lợi	16/11/1999	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K34SN20-115
116	50356444	Nguyễn Thị Phương	14/10/2000	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K34SN20-116
117	50356493	Ngô Đình Dương	12/08/1992	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K34SN20-117
118	50356530	Nguyễn Đức Mạnh	17/12/2003	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K34SN20-118
119	50356843	Nguyễn Thị Luyến	02/02/2000	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K34SN20-119
120	50356848	Phạm Thị Yến Nhi	29/03/2002	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K34SN20-120
121	50356849	Cao Thị Ngọc Mai	15/05/2001	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K34SN20-121
122	50830505	Nguyễn Anh Vũ	31/03/2005	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K34SN20-122
123	50331207	Lý Thị Trúc Vi	27/08/2000	Nữ	Quảng Trị	Quảng Trị	K34SN20-123
124	50331241	Nguyễn Mạnh Tuấn	20/08/1994	Nam	Quảng Trị	Quảng Trị	K34SN20-124
125	50331248	Phan Thị Miến	09/09/1995	Nữ	Quảng Trị	Quảng Trị	K34SN20-125
126	50331468	Nguyễn Thị Kim Chi	09/04/2004	Nữ	Quảng Trị	Quảng Trị	K34SN20-126
127	50331742	Lê Thị Lan Anh	11/09/2003	Nữ	Quảng Trị	Quảng Trị	K34SN20-127
128	50331748	Tạ Thị Hiền	02/08/1999	Nữ	Quảng Trị	Quảng Trị	K34SN20-128
129	50331954	Nguyễn Thị Phương Lan	17/10/1993	Nữ	Quảng Trị	Quảng Trị	K34SN20-129
130	50331957	Hồ Thị Mỹ Hạnh	25/03/2000	Nữ	Quảng Trị	Quảng Trị	K34SN20-130

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV
131	50331999	Phạm Văn Thông	06/01/1990	Nam	Quảng Trị	Quảng Trị	K34SN20-131
132	51032881	Lò Văn Thảo	22/10/1986	Nam	Sơn La	Sơn La	K34SN20-132
133	50837156	Phạm Ngọc Nam	25/12/2000	Nam	Bình Dương	Tp Hồ Chí Minh	K34SN20-133
134	50805783	Nguyễn Văn Tú	21/10/2000	Nam	Thái Nguyên	Thái Nguyên	K34SN20-134
135	50511068	Nguyễn Thị Hồng	14/01/2004	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-135
136	50533493	Lê Thị Quỳnh	27/06/2003	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-136
137	51033981	Vũ Hồng Tiền Đô	19/04/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-137
138	51034067	Lê Văn Đức	27/07/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-138
139	51034092	Nguyễn Đình Toàn	09/02/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-139
140	51034154	Lê Công Hải	10/11/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-140
141	51034264	Vũ Minh Lương	26/08/1996	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-141
142	51034298	Nguyễn Văn Chi	02/01/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-142
143	51034492	Kiều Văn Tuấn	01/01/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-143
144	51034793	Nguyễn Văn Bình	18/08/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-144
145	51034812	Đào Văn Minh	20/04/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-145
146	50314004	Lê Thị Hường	01/06/2005	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-146
147	50314261	Lê Công Bình	16/09/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-147
148	50314297	Nguyễn Văn Thế	28/04/1993	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-148
149	50314571	Lê Nam Anh	24/01/1996	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-149
150	50314653	Nguyễn Văn Thắng	21/07/1998	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-150
151	50314704	Vũ Văn Quyền	23/07/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-151
152	50314723	Nguyễn Văn Hùng	30/07/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-152
153	50314796	Lê Văn Dũng	27/03/1993	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-153
154	50315066	Lê Văn Minh	31/12/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-154
155	50315383	Trịnh Đình Tiến	19/07/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-155
156	50315391	Vũ Tiến Lực	28/08/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-156
157	50315563	Lê Văn Thái Sơn	25/12/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-157
158	50316462	Hà Văn Chung	15/02/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-158
159	50316471	Lê Minh Chiến	01/02/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-159
160	50316568	Nguyễn Do Khải	19/11/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-160
161	50316952	Hoàng Văn Dũng	09/12/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-161
162	50316957	Phạm Văn Hợp	12/06/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-162
163	50317008	Vũ Văn Linh	05/05/1994	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-163
164	50317179	Lê Đình Trình	10/04/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-164
165	50317364	Lê Bá Thực	03/11/1996	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-165
166	50317672	Lê Trần Lượng	25/12/1994	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-166
167	50317874	Nguyễn Sỹ Thắng	10/12/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-167
168	50317960	Lê Văn Đức	04/11/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-168
169	50318232	Nguyễn Minh Ngọc	29/11/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-169
170	50320466	Trương Văn Trọng	09/08/1998	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-170
171	50320573	Trịnh Tuấn Anh	21/07/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-171
172	50320590	Đình Tiến Đạt	03/12/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-172
173	50320637	Phạm Thị Phương	10/01/2000	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-173
174	50320863	Lý Văn Cường	20/09/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-174

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV
175	50321071	Đoàn Văn Hoàng	10/02/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-175
176	50321103	Lê Thị Thu Trang	08/02/1998	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-176
177	50321108	Lê Hoàng Phong	22/07/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-177
178	50321193	Lương Văn Thành	14/02/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-178
179	50321265	Lê Văn Sơn	12/07/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-179
180	50321342	Lê Huy Tuấn	07/06/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-180
181	50321352	Lê Văn Đức	26/12/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-181
182	50321650	Phạm Đức Thắng	18/01/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-182
183	50321677	Quách Huy Hoàng	23/09/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-183
184	50321826	Dương Việt Anh	19/05/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-184
185	50345133	Nguyễn Viết Đức	16/07/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-185
186	50371383	Vũ Thị Linh	08/09/2002	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-186
187	50815907	Lê Văn Nhật	23/06/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-187
188	50816388	Lê Trần Hoàng	29/09/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-188
189	50817609	Vũ Đình Nam	26/12/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K34SN20-189
190	50838135	Hồ Vũ Khoa	23/04/2002	Nam	Vĩnh Long	Vĩnh Long	K34SN20-190

2

